

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
 - Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/*Authorized Participants and Investors*

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/ Fund name: VFMVN30 ETF**
- Mã ccq/Code: **E1VFN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date:* **03-10-17**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares*
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of component securities and cash component:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BID	580	0.88%
2	BMP	140	0.84%
3	BVH	230	0.95%
4	CII	630	1.54%
5	CTD	110	1.75%
6	CTG	1,270	1.80%
7	DHG	160	1.31%
8	DPM	530	0.93%
9	FPT	1,450	5.38%
10	GAS	330	1.76%
11	GMD	520	1.78%
12	HPG	3,110	9.34%
13	HSG	720	1.57%
14	KBC	1,210	1.35%
15	KDC	420	1.34%
16	MBB	3,380	5.62%
17	MSN	1,750	7.45%
18	MWG	680	6.14%
19	NT2	300	0.61%
20	NVL	700	3.31%
21	PVD	660	0.72%
22	REE	640	1.71%
23	ROS	400	3.32%
24	SAB	330	6.55%
25	SBT	520	1.01%
26	SSI	1,090	2.10%
27	STB	4,930	4.67%
28	VCB	1,230	3.56%
29	VIC	2,860	11.22%

30	VNM	790	9.03%
----	-----	-----	-------

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value
- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,293,781,000
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,299,578,630
- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 5,797,630
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:
- + Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
- + Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
BVH	58,850	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4.a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period 03-10-17	Kỳ trước/Last period 02-10-17	Chênh lệch/ Changes
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	10	0	10
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	76,800,000	77,800,000	-1,000,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	12,900	12,960	-60
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	1,011,072,173,807	1,022,637,923,883	-11,565,750,076
của một lô ETF/per Creation Unit	1,299,578,630	1,302,723,470	-3,144,840
của một chứng chỉ quỹ/per Share	12,995.78	13,027.23	-31.45
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	840.19	844.12	-3.93

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/Fund Management Company VFM



Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc/CEO

peal... M